

QUY ĐỊNH

**chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,
tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

Điều 1. Chức năng

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, công tác tôn giáo); là cơ quan thường trực của các Ban Chỉ đạo về lĩnh vực công tác dân vận của tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất và thực hiện

1.1. Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định, chương trình, đề án công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.

1.3. Tham mưu, giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng ở địa phương do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

1.4. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

1.5. Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

1.6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

1.7. Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy và cán bộ làm công tác dân vận của Đảng trong tỉnh.

3. Thẩm định, thẩm tra

3.1. Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

3.2. Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh... liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

4. Phối hợp

4.1. Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm về công tác dân vận.

4.2. Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

4.3. Với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4.4. Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

4.5. Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4.6. Với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác dân vận chính quyền.

4.7. Với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biên 3 và các cơ quan tư pháp tỉnh trong thực hiện công tác dân vận của lực lượng vũ trang và cơ quan tư pháp.

4.8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan liên quan khi bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan mình phụ trách.

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Điều 4. Tổ chức bộ máy, biên chế

1. Tổ chức bộ máy

1.1. Lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy gồm có Trưởng ban và các Phó Trưởng Ban. Số lượng Phó trưởng Ban thực hiện theo Kết luận số 575-KL/TU, ngày 27/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Cơ cấu tổ chức gồm có 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Đoàn thể và các hội.

b) Phòng Dân vận các cơ quan Nhà nước, dân tộc và tôn giáo.

c) Văn phòng.

2. Biên chế

Biên chế của Ban Dân vận Tỉnh ủy do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 5. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương

1.1. Chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến, tham mưu đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công; về chương trình công tác của cơ quan.

1.2. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo của Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

3.1. Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2. Được mời dự, tham gia ý kiến tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của cơ quan. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

4. Đối với cấp ủy và ban dân vận của cấp ủy cấp huyện

4.1. Phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy trong thực hiện công tác dân vận theo phân cấp.

4.2. Hướng dẫn, kiểm tra ban dân vận của các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác dân vận.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này, Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành Quy chế làm việc của cơ quan; xây dựng vị trí việc làm; quy định chức năng, nhiệm vụ và phân bổ biên chế cho các phòng chuyên môn phù hợp để bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm thi hành Quy định này.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 07-QĐi/TU, ngày 05/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Ban Dân vận Trung ương (b/c),
- Cơ quan thường trực BDVTW tại Đà Nẵng (T26),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU, BDVTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Cao Thị Hòa An